

THÔNG BÁO
Về việc tuyển dụng công chức xã, thị trấn năm 2023

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 12/12/2019;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về việc quy định chức danh, số lượng, một số chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND ngày 13/6/2013 của UBND tỉnh Bình Phước quy định chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Quyết định số 28/2013/QĐ-UBND ngày 30/5/2013 của UBND tỉnh Bình Phước ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Công văn số 359/SNV-XDCQ ngày 23/3/2022 của Sở Nội vụ về việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã; Công văn số 1260/SNV-XDCQ ngày 22/6/2023 của Sở Nội vụ về việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã;

Căn cứ Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 10/02/2020 của UBND huyện Bù Đăng về việc giao định mức số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện; Quyết định số 4772/QĐ-UBND ngày 13/12/2021 của UBND huyện và Quyết định số 1009/QĐ-UBND ngày 09/6/2023 của UBND huyện về việc điều chỉnh giao định mức số lượng, chức danh cán bộ, công chức cấp xã tại Quyết định số 93/QĐ-UBND ngày 10/02/2020;

Thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 10/7/2023 của UBND huyện về tuyển dụng công chức cấp xã huyện Bù Đăng năm 2023;

UBND huyện Bù Đăng thông báo tổ chức tuyển dụng công chức xã, thị trấn năm 2023, cụ thể như sau:

I. ĐIỀU KIỆN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

1. Tiêu chuẩn chung: Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam, nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- a) Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- b) Đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- d) Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp với chức danh dự tuyển, về văn bằng, chứng chỉ: Không phân biệt hình thức đào tạo và loại hình đào tạo công lập, ngoài công lập;
- đ) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- e) Đủ sức khoẻ để thực hiện nhiệm vụ;
- f) Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển gắn với chuyên ngành đào tạo, các kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn cụ thể và nhiệm vụ đối với từng chức danh công chức cấp xã.

2. Tiêu chuẩn cụ thể:

- a) Công chức Văn phòng - Thống kê:
 - Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
 - Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
 - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học - xã hội và nhân văn;
 - Tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.
- b) Công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường:
 - Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
 - Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
 - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp;
 - Tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.
- c) Công chức Tài chính - Kế toán:
 - Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
 - Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
 - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Tài chính - Kế toán, Kinh tế, Quản trị kinh doanh;
 - Tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.
- d) Công chức Tư pháp - hộ tịch:
 - Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;
 - Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông;
 - Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các

ngành: Luật, Hành chính, Kinh tế - Luật; ngoài ra, sau khi được tuyển dụng phải qua lớp bồi dưỡng nghiệp vụ tư pháp cấp xã;

- Tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

e) Công chức Văn hóa - Xã hội:

- Độ tuổi: Đủ 18 tuổi trở lên;

- Học vấn: Tốt nghiệp trung học phổ thông;

- Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Văn hoá nghệ thuật (chuyên ngành); quản lý Văn hoá - Thông tin; nghiệp vụ Lao động - Thương binh và xã hội, các nhóm ngành về khoa học - xã hội;

- Tin học: Được cấp chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và truyền thông.

3. Về chỉ tiêu tuyển dụng: 21 chỉ tiêu, cụ thể:

- 06 chức danh công chức Văn phòng - Thống kê;

- 01 chức danh công chức Tư pháp - Hộ tịch;

- 01 chức danh công chức Tài chính - Kế toán;

- 03 chức danh công chức Văn hóa - Xã hội.

- 10 chức danh công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường.

(Có bảng chỉ tiêu kèm theo)

II. CÁC MÔN THI VÀ HÌNH THỨC:

Thi tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 2 vòng thi như sau:

1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm được thực hiện bằng hình thức trắc nghiệm trên giấy:

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

Phần I: Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Tin học 30 câu hỏi về kiến thức cơ bản, kỹ năng ứng dụng tin học văn phòng vào nhiệm vụ chuyên môn. Thời gian thi 30 phút;

b) Miễn phần thi tin học (vòng 1) đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin, tin học hoặc toán - tin trở lên;

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định nêu trên, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Nội dung thi: Kiến thức, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

- b) Hình thức thi: Thi phỏng vấn trực tiếp
- c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút;
- d) Thang điểm: 100 điểm.

III. CÁCH XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN:

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

- a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thi vòng 2 theo quy định cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch UBND huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

4. Việc phúc khảo trong thi tuyển:

a) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả thi, Hội đồng thi tuyển nhận đơn xin phúc khảo và giải quyết đơn xin phúc khảo (nếu có).

Không giải quyết phúc khảo đối với đơn xin phúc khảo sau thời hạn trên và những đơn gửi bằng hộp thư điện tử.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả chấm phúc khảo, Chủ tịch UBND huyện phê duyệt và công khai kết quả tuyển dụng.

IV. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN:

1. Hồ sơ dự tuyển công chức cấp xã bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự tuyển công chức cấp xã (theo mẫu kèm theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ);

b) Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

c) Bản sao giấy khai sinh;

d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển; trường hợp đã tốt nghiệp, nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

e) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

f) Hợp đồng lao động của cơ quan, bản nhận xét đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ của cơ quan (nếu có);

g) Bản sao sổ Bảo hiểm xã hội (nếu có);

h) 02 ảnh 3 x 4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, số điện thoại liên lạc.

*** Lưu ý:**

- Người đăng ký dự thi phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của văn bằng, chứng chỉ, lý lịch và hồ sơ đăng ký thi tuyển công chức.

- Hồ sơ dự tuyển của người trúng tuyển công chức cấp xã là hồ sơ trúng tuyển. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thi tuyển, xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

2. Về thời gian và địa điểm tổ chức thi tuyển:

a) Từ ngày 10/7 đến ngày 10/8/2023: Tiếp nhận hồ sơ của các thí sinh.

- Về thành phần hồ sơ đăng ký tuyển dụng: Cá nhân có nhu cầu liên hệ phòng Nội huyện Bù Đăng

- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Phòng Nội huyện Bù Đăng. (Địa chỉ: Tổ dân phố Hòa Đông - thị trấn Đức Phong - huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước)

- Thời gian, địa điểm tổ chức ôn tập cho các thí sinh và tổ chức thi sẽ thông báo cụ thể sau.

3. Lệ phí thi: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức cụ thể: lệ phí thi: 500.000 đồng/thí sinh.

Các thí sinh cần biết thêm chi tiết xin liên hệ phòng Nội vụ huyện Bù Đăng qua số điện thoại: 02713.975669 để được hướng dẫn.

Thông báo này được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, Website UBND huyện Bù Đăng <https://budang.binhphuoc.gov.vn/> và gửi đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND huyện, UBND các xã, thị trấn; đồng thời được niêm yết tại trụ sở UBND huyện, UBND các xã, thị trấn./ *Nam*

Nơi nhận: *Nam*

- Sở Nội vụ (B/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng VHHT huyện (thông báo);
- Công thông tin điện tử huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

BẢN CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2023
(Kèm theo Thông báo số: ...150.../TB-UBND ngày: ...10.../7/2023 của UBND huyện Bù Đăng)

Stt	Tên đơn vị	Số Công chức được giao	Số Công chức thực hiện	Số Công chức chưa thực hiện	Nhu cầu cần tuyển	Số lượng	Chuyên môn đào tạo cần tuyển	Trình độ cần tuyển	Vị trí việc làm tuyển dụng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	UBND thị trấn Đức Phong	11	9	2	1	1	Văn hoá nghệ thuật (chuyên ngành); quản lý Văn hoá - Thông tin; nghiệp vụ Lao động - Thương binh và xã hội, các nhóm ngành về khoa học - xã hội	Đại học	Công chức Văn hóa - Xã hội	
					1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học - xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	

Nbcm.



2	UBND xã Nghĩa Bình	10	9	1	1	1	Văn hoá nghệ thuật (chuyên ngành); quản lý Văn hoá - Thông tin; nghiệp vụ Lao động - Thương binh và xã hội, các nhóm ngành về khoa học - xã hội	Đại học	Công chức Văn hóa - Xã hội	
3	UBND xã Nghĩa Trung	11	10	1	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
4	UBND xã Thống Nhất	11	9	2	1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học, xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	
					1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
5	UBND xã Phước Sơn	11	9	2	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
					1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học, xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	
6	UBND xã Đồng Nai	11	10	1	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	

Nam.



7	UBND xã Đức Liễu	11	9	2	1	1	Luật; Tư pháp, Hành chính, Kinh tế - Luật	Đại học	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	
					1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
8	UBND xã Đoàn Kết	11	9	2	1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học, xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	
					1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
9	UBND xã Thọ Sơn	11	9	2	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
					1	1	Văn hoá nghệ thuật (chuyên ngành); quản lý Văn hoá - Thông tin; nghiệp vụ Lao động - Thương binh và xã hội, các nhóm ngành về khoa học - xã hội	Đại học	Công chức Văn hóa - Xã hội	

nbam.

10	UBND xã Bình Minh	11	10	1	1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học, xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	
11	UBND xã Đak Nhou	11	10	1	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
12	UBND xã Minh Hưng	11	10	1	1	1	Văn thư, lưu trữ; Hành chính; Luật; Kinh tế - Luật; Ngữ văn; các ngành thuộc khối Khoa học, xã hội và nhân văn	Đại học	Công chức Văn phòng - Thống kê	
13	UBND xã Đường 10	11	10	1	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
14	UBND xã Đăng Hà	11	9	2	1	1	Địa chính, Xây dựng, Môi trường, Nông nghiệp, Lâm nghiệp	Đại học	Công chức Địa chính - NN-XD-MT	
					1	1	Tài chính - Kế toán, Kinh tế, Quản trị kinh doanh	Đại học	Công chức Tài chính - Kế toán	
Tổng cộng		153	132	21	21	21				

Nhan.

